

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁC ÁI
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 4 - 2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hữu Pha

2. Bà Mẫu Thị Kim Khanh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái tham gia phiên tòa: Ông Thành Chế Trọng Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Pinăng Thị N, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Hải - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận. (Có đơn xin mặt).

2. Bị đơn: Anh Kator Th, sinh năm 1990. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Xuân Lượng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Pinăng Thị N trình bày: Chị và anh Kator Th sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B vào

ngày 15/3/2010, sau khi kết hôn vợ chồng về làm ăn và sinh sống tại thôn H, xã P, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên hai người thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hiện nay hai người không còn sống chung, anh Th đã về sống với cha mẹ ruột ở thôn H, xã P, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vì vậy chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 04 (Bốn) người con chung là cháu Pinăng B, sinh ngày 19/3/2008; cháu Pinăng T, sinh ngày 07/7/2010; cháu Pinăng Tr, sinh ngày 29/8/2012 và cháu Pinăng U, sinh ngày 07/10/2017, hiện nay các cháu đang ở cùng với chị N. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con, chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù không có mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2025 anh Kator Th đã trình bày: Anh và chị Pinăng Thị N sống chung với nhau có giấy đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B vào năm 2010, sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn và sinh sống ở thôn H, xã Phước B, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên hai người thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hiện nay hai người không còn sống chung, anh đã về sống với cha mẹ ruột ở thôn H, xã P, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng đến nay chị N làm đơn xin giải quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị N có 04 (Bốn) người con chung là cháu Pinăng B, sinh ngày 19/3/2008; cháu Pinăng T, sinh ngày 07/7/2010; cháu Pinăng Tr, sinh ngày 29/8/2012 và cháu Pinăng U, sinh ngày 07/10/2017, hiện nay các cháu đang ở cùng với chị N. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý giao các con cho chị N được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa ông Lê Xuân Lượng là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh Kator Th; Bà Đỗ Thị Hải là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Pinăng Thị N mặc dù không có mặt tại phiên tòa, nhưng trong bản luận cứ bảo vệ bà Hải cũng đã trình bày:

Chị N và anh Th sống chung với nhau có giấy đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B vào năm 2010, sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn và sinh sống ở thôn H, xã P, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên hai người thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hiện nay hai người không còn sống chung, anh Th đã về sống với cha mẹ ruột ở thôn H, xã P, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và chị N có yêu cầu ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị N và anh Th có 04 (Bốn) người con là cháu Pinăng B, sinh ngày 19/3/2008; cháu Pinăng T, sinh ngày 07/7/2010; cháu Pinăng Tr, sinh ngày

29/8/2012 và cháu Pinăng U, sinh ngày 07/10/2017, hiện nay các cháu đang ở cùng với chị N, quá trình giải quyết cháu B, cháu T, cháu Tr và cháu U có nguyện vọng được ở cùng với chị N. Tại phiên tòa chị cũng có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con, chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị N theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Th không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Ái phát biểu quan điểm:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Pinăng Thị N và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị N, bà Đỗ Thị Hải – Trợ giúp viên pháp lý đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Kator Th và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Th, ông Lê Xuân Lượng – Trợ giúp viên pháp lý đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” bị đơn anh Th đang sinh sống ở thôn H, xã P, huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Bắc Ái được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Kator Th, bà Đỗ Thị Hải đã làm đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Th, bà Hải là có căn cứ.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th sống chung với nhau có giấy đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B vào năm 2010, sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn và sinh sống ở thôn H, xã P, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên hai người thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hiện nay hai người không còn sống chung, anh Th đã về sống với cha mẹ ở thôn H, xã P, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng chị N có yêu cầu ly hôn, anh Th cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị N và anh Th có 04 (Bốn) người con là cháu Pinăng B, sinh ngày 19/3/2008; cháu Pinăng T, sinh ngày 07/7/2010; cháu Pinăng Tr, sinh ngày 29/8/2012, cháu Pinăng U, sinh ngày 07/10/2017 hiện nay các cháu đang ở cùng với chị N và trong quá trình giải quyết các cháu cũng có nguyện vọng được ở với chị. Tại phiên tòa chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con, chị không yêu cầu

anh Th phải cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị N theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Pinăng Thị N là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã P, huyện B là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị đã làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 03/01/2025, chị Pinăng Thị N đã làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Kator Th, hiện nay anh Th đang cư trú tại thôn H, xã P. Tòa án huyện Bắc Ái áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Th sống chung với nhau có giấy đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B vào năm 2010, sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn và sinh sống ở thôn H, xã P, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên hai người thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hiện nay hai người không còn sống chung, anh Th đã về sống với cha mẹ ruột ở thôn H, xã P, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và chị N có yêu cầu ly hôn. Căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Th.

2.2. Về con chung: Chị N và anh Th có 04 (Bốn) người con chung là cháu Pinăng B, sinh ngày 19/3/2008; cháu Pinăng T, sinh ngày 07/7/2010; cháu Pinăng Tr, sinh ngày 29/8/2012 và cháu Pinăng U, sinh ngày 07/10/2017, hiện nay các cháu đang ở cùng với chị N, trong quá trình giải quyết các cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng với chị. Tại phiên tòa chị N cũng có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con, chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con, sự tự nguyện nuôi con của chị là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Th không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Pinăng Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Pinăng Thị N được ly hôn với anh Kator Th.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Pinăng B, sinh ngày 19/3/2008; cháu Pinăng T, sinh ngày 07/7/2010; cháu Pinăng Tr, sinh ngày 29/8/2012 và cháu Pinăng U, sinh ngày 07/10/2017 cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Kator Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Pinăng Thị N.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/4/2025).

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thiện